

QUÁ TRÌNH TIẾP NHẬN ĐỒNG BÀO MIỀN XUÔI THAM GIA KHAI HOANG MIỀN NÚI TẠI TỈNH SƠN LA (1961 - 1965)

ThS. Bùi Mạnh Thắng
Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Cuộc vận động đồng bào miền xuôi tham gia phát triển kinh tế miền núi là một trong ba cuộc vận động lớn của miền Bắc trong thập kỷ 60 của thế kỷ XX (cùng với cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã và cuộc vận động “ba xây, ba chống”) với nội dung chủ yếu là tổ chức đồng bào miền xuôi tham gia khai hoang, phát triển kinh tế ở miền núi. Sơn La là một trong những địa phương miền núi đi tiên phong trong việc triển khai thực hiện cuộc vận động này. Trong 5 năm (1961 - 1965), tỉnh Sơn La đã tích cực, chủ động tiếp nhận hàng vạn đồng bào miền xuôi, sắp xếp nơi ăn chốn ở và giúp đỡ đồng bào tổ chức khai hoang, phát triển sản xuất. Bài viết này tìm hiểu quá trình tiếp nhận đồng bào miền xuôi tham gia khai hoang miền núi tại Sơn La trong những năm 1961 - 1965.

Từ khóa: Đồng bào miền xuôi, khai hoang, miền núi, Sơn La

Mở đầu

Sơn La là một tỉnh miền núi phía Bắc, là địa bàn sinh sống lâu đời của nhiều tộc người anh em, có tiềm năng phát triển kinh tế nhưng còn nhiều khó khăn, nhất là tình trạng thiếu nguồn nhân lực. Trong những năm 1961 - 1965, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, tỉnh Sơn La đã tiếp nhận hàng vạn đồng bào miền xuôi từ các tỉnh Hưng Yên, Thái Bình, Hà Đông lên khai hoang, tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Đến năm 1965, trên địa bàn tỉnh Sơn La đã có 80 cơ sở khai hoang được xây dựng ở khắp các huyện, với hơn 10.000 nhân khẩu, góp phần tạo nên những chuyển biến căn bản và quan trọng trên địa bàn chiến lược này.

1. Chủ trương tiếp nhận đồng bào miền xuôi tham gia khai hoang miền núi tại tỉnh Sơn La

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, trước thực tế đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Đảng Lao động Việt Nam chủ trương củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm chỗ dựa cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cùng với nhiệm vụ củng cố miền Bắc, Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm tới sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa miền núi. Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9/1960) đã khẳng định: “Đảng và Nhà nước dân chủ nhân dân cần phải làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao và vùng biên giới tiến kịp vùng nội địa, các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc Kinh, giúp các

dân tộc phát huy tinh thần cách mạng và năng lực to lớn của mình, cùng nhau đoàn kết chặt chẽ để tiến lên chủ nghĩa xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 609). Đồng thời chỉ rõ: *“Vấn đề xây dựng kinh tế miền núi là một bộ phận không thể thiếu của chính sách dân tộc của Đảng ta trong giai đoạn mới của cách mạng. Nó bảo đảm cho miền núi dần dần tiến kịp miền xuôi, cho các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc Kinh, thực hiện đầy đủ sự bình đẳng và tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc. Nó phù hợp với lợi ích thiết thân của các dân tộc miền núi, đồng thời cũng phù hợp với lợi ích thiết thân của toàn thể nhân dân lao động miền Bắc”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 585).

Tuy nhiên, nhiệm vụ củng cố miền Bắc và phát triển kinh tế miền núi vấp phải một khó khăn cơ bản liên quan đến vấn đề phân bố dân cư, lao động. Theo kết quả điều tra dân số năm 1960, trên miền Bắc, mật độ dân số trung bình là 100 người/km², nhưng phân bố rất không đồng đều. Miền núi đất rộng, tài nguyên thiên nhiên phong phú, là nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào các dân tộc thiểu số, mật độ dân cư thưa thớt, điển hình như Khu tự trị Thái - Mèo (lúc bấy giờ) mật độ trung bình chỉ có 12 người/km², nhiều châu¹ vùng cao chưa đến 10 người/km². Trong khi đó, đồng bằng sông Hồng đất chật, người đông, nhiều tỉnh có mật độ dân số trên dưới 800 người/km² như Thái Bình, Hưng Yên, Nam Định,... Đó là sự chênh lệch rất lớn, ảnh hưởng tới kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nói chung.

¹ Châu là tên gọi đơn vị hành chính dưới cấp khu trong giai đoạn 1955 - 1962, tương đương cấp huyện ở các tỉnh đồng bằng. Từ ngày 27/10/1962, theo Nghị quyết của Quốc hội, cấp châu thuộc Khu Tự trị Tây Bắc đổi thành cấp huyện.

Trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng bất hợp lý trong phân bố dân cư, lao động ở miền Bắc, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã đề ra chủ trương: *“Phải phân bố hợp lý sức sản xuất ở đồng bằng, trung du và miền núi, điều chỉnh sức người giữa các vùng, quy hoạch từng bước các vùng kinh tế, thực hiện sự phân công phối hợp giữa các vùng kinh tế với nhau”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 928).

Thực hiện chủ trương của Đảng, chưa đầy 3 tháng sau Đại hội toàn quốc lần thứ III, ngày 5/12/1960, Ban Tuyên huấn Khu ủy Tây Bắc ban hành Kế hoạch số 86/HC-TH tuyên truyền giáo dục về việc điều chỉnh nhân lực xây dựng mở mang Khu tự trị tiến lên chủ nghĩa xã hội. Bản kế hoạch nhấn mạnh: *“Việc điều chỉnh nhân lực lên khu ta chính là việc phân bố, điều chỉnh hợp lý sức người giữa miền xuôi và miền núi, nhằm góp phần đẩy mạnh phát triển mọi mặt kinh tế của khu ta để đóng góp tích cực vào việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc”* (Ban Tuyên huấn Khu ủy Tây Bắc, 1960, tr. 1). Tiếp đó, ngày 26/12/1960, Ban Chấp hành Khu ủy Tây Bắc ban hành Nghị quyết số 18/NQ-TB về Đề án điều chỉnh nhân lực miền xuôi lên góp phần củng cố, mở mang Khu tự trị. Nghị quyết xác định, điều chỉnh nhân lực miền xuôi lên góp phần củng cố mở mang Khu tự trị là yêu cầu khách quan của miền Bắc trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội. Phương châm là *“trong một thời gian nhất định phải tiếp thu từng bước với tinh thần vững chắc nhưng mạnh dạn, tích cực một lực lượng lớn khoảng nửa triệu người”*. Phương hướng tiếp thu nhân lực là: *“Ngay từ lúc đầu nhân dân miền xuôi lên đi thẳng vào thành lập các hợp tác xã nông*

nghiệp cấp cao dựa trên cơ sở công hữu toàn bộ tư liệu sản xuất (đất của nhà nước, nông cụ, trâu bò, thóc giống, tiền vốn... do các hợp tác xã miền xuôi cấp vốn hoặc do nhà nước cho vay rồi trả dần)” (Ban Chấp hành Khu ủy Tây Bắc, 1960, tr. 6). Nguyên tắc triển khai các hợp tác xã của đồng bào miền xuôi là: nơi dễ làm trước, nơi khó làm sau, gần đường giao thông làm trước, các vùng sâu làm sau, bảo đảm chắc thắng bước đầu để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở sản xuất; từ đó mở rộng diện tích ra những nơi xa, sâu trong toàn Khu. Khu vực bố trí bước đầu cho các hợp tác xã miền xuôi mới lên là một số châu dọc đường lớn tương đối gần sự chỉ đạo, sau sẽ dần mở rộng ra toàn Khu.

Cùng với sự sẵn sàng của Khu ủy Tây Bắc, các tỉnh miền xuôi cũng tích cực, chủ động trong việc tổ chức đồng bào tham gia phát triển kinh tế, văn hóa miền núi. Hưng Yên và Thái Bình là hai tỉnh đồng bằng có mật độ dân số cao nhất miền Bắc, cũng là hai tỉnh đi tiên phong trong việc vận động, tổ chức đồng bào tham gia phát triển kinh tế miền núi, với địa bàn đầu tiên là Khu tự trị Thái - Mèo, mở đầu cho một phong trào lớn, một cuộc vận động lớn trên toàn miền Bắc trong những năm 60 của thế kỷ XX.

Sơn La là một tỉnh miền núi biên giới, phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu, phía Nam giáp tỉnh Hòa Bình, phía Đông giáp tỉnh Nghĩa Lộ và phía Tây giáp Vương quốc Lào với đường biên giới dài 250km. Năm 1954, tỉnh Sơn La có 7 châu: Phù Yên, Mộc Châu, Mường La, Yên Châu, Thuận Châu, Mai Sơn, Sông Mã (châu Quỳnh Nhai vào thời điểm đó thuộc tỉnh Lai Châu). Ngày 29/4/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc

lệnh số 230/SL thành lập Khu tự trị Thái - Mèo. Giai đoạn 1955 - 1962, hệ thống hành chính của Khu tự trị chỉ có 3 cấp: khu - châu - xã, không có cấp tỉnh. Ngày 27/10/1962, tại kỳ họp thứ năm, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa thông qua Nghị quyết đổi tên Khu tự trị Thái - Mèo thành Khu tự trị Tây Bắc và thành lập ba tỉnh thuộc Khu bao gồm: Lai Châu, Sơn La và Nghĩa Lộ; đồng thời đổi cấp châu thành cấp huyện. Theo Nghị quyết trên, tỉnh Sơn La được tái lập, bao gồm thị xã Sơn La và 7 huyện: Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Mường La, Sông Mã. Trong những năm 1961 - 1965, địa bàn tỉnh Sơn La đã tiếp nhận hàng vạn đồng bào miền xuôi lên khai hoang, tham gia phát triển kinh tế, văn hóa miền núi theo chủ trương của Đảng.

2. Quá trình tiếp nhận đồng bào miền xuôi tham gia khai hoang tại tỉnh Sơn La

Tháng 11/1960, tỉnh Hưng Yên cử một đoàn cán bộ lên Khu tự trị Thái - Mèo phối hợp thực hiện thăm dò, điều tra địa điểm và xây dựng kế hoạch tổ chức đưa đồng bào lên khai hoang. Sau một thời gian chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức và các điều kiện vật chất, tỉnh Hưng Yên tiến hành đưa xã viên lên xây dựng cơ sở, chia làm 2 đợt: đợt thứ nhất vào tháng 12/1960, đợt thứ hai vào tháng 1/1961. Tổng số xã viên tham gia là 1.168 người, được tập hợp từ 9 huyện trong tỉnh, gồm 987 thanh niên, trong đó có 480 đoàn viên thanh niên lao động, 256 đảng viên,... (Ủy ban Hành chính Khu tự trị Thái - Mèo, 1961, tr. 2). Lực lượng trên được tổ chức thành một hợp tác xã cấp cao lấy tên là Hoàng Văn Thụ, địa bàn thuộc châu Mai Sơn.

Sau chuyến đi đầu tiên của đồng bào Hưng Yên, tháng 2/1961, đoàn khai hoang thí điểm của tỉnh Thái Bình bắt đầu lên đường đi Tây Bắc và xây dựng hợp tác xã Bình Thuận ở Thuận Châu. Các xã viên được chuyển lên qua hai đợt: đợt thứ nhất vào tháng 2/1961 và đợt thứ hai vào tháng 3/1961 với tổng số 553 người, gồm 369 trung niên, 184 thanh niên, trong đó có 87 đảng viên (Ủy ban Hành chính Khu tự trị Thái - Mèo, 1961, tr. 4).

Hoàng Văn Thụ và Bình Thuận là hai hợp tác xã khai hoang thí điểm đầu tiên trên miền Bắc của đồng bào miền xuôi trong cuộc vận động tham gia phát triển kinh tế miền núi. Trong tác phẩm *“Đi khai hoang Tây Bắc”*, nhà báo Hữu Thọ đã khẳng định: *“Dự tính đến năm 1965, số dân Tây Bắc sẽ lên tới 1 triệu, nhiều hơn hai lần số dân hiện nay. Lúc đó, hoặc sau đây nữa, dù tình hình kinh tế phồn thịnh, dân cư đông đúc như thế nào, cũng không ai quên được những người dân Hưng Yên đầu tiên lên Tây Bắc thành lập hợp tác xã Hoàng Văn Thụ ở huyện Mai Sơn và những người dân Thái Bình lên thành lập hợp tác xã Bình Thuận ở chân đèo Phạ Đìn thuộc huyện Thuận Châu”* (Hữu Thọ, 1963, tr. 10).

Được chính quyền và nhân dân địa phương giúp đỡ, hai hợp tác xã đã nhanh chóng ổn định nơi ăn chốn ở cho đồng bào, khẩn trương tổ chức khai hoang, phát triển sản xuất, phần đầu tự túc lương thực. Ngay năm đầu tiên (1961), năng suất ngô của hợp tác xã Hoàng Văn Thụ đã đạt bình quân 18,4 tạ/ha (cao hơn năng suất ngô trung bình toàn miền Bắc lúc bấy giờ khoảng 11 tạ/ha), năng suất lúa nương của hợp tác xã Bình Thuận đạt bình quân 18 tạ/ha (trung đương năng suất lúa trung bình toàn miền Bắc tại thời điểm đó); giá trị ngày công của xã viên hợp tác xã Hoàng Văn Thụ là 1,26 đồng, còn ở hợp tác xã Bình Thuận là 1,67 đồng, đạt mức khá cao (Tổng cục Khai hoang, 1963, tr. 9). Những thắng lợi ban đầu của hai hợp tác xã đã mở ra khả năng tiếp tục đưa đồng bào lên khai phá miền núi Tây Bắc.

Phát huy thành công bước đầu của hai hợp tác xã khai hoang thí điểm Hoàng Văn Thụ và Bình Thuận, cuối năm 1961, Khu tự trị Thái - Mèo tiếp tục nhận thêm nhiều đồng bào miền xuôi, chủ yếu từ hai tỉnh Hưng Yên và Thái Bình. Riêng tỉnh Sơn La, tính đến hết năm 1962, sau khi được tái lập tỉnh đã tiếp nhận tổng số 6.115 nhân khẩu. Số lượng cụ thể được thể hiện trong Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Số lượng đồng bào miền xuôi lên tỉnh Sơn La trong 2 năm 1961 - 1962

Tỉnh	Nhân khẩu	Lao động		Cháu nhỏ	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tổng	6.115	4.779	78,0	1.336	22,0
Hưng Yên	4.215	3.636	86,3	579	13,7
Thái Bình	1.900	1.143	60,2	757	39,8

Nguồn: Ủy ban lâm thời phụ trách hành chính tỉnh Sơn La, 1963a, tr. 3

Có thể thấy, trong 2 năm đầu, tỷ lệ lao động trong tổng số nhân khẩu tham gia phong trào rất cao, tới 78%; đặc biệt, lực lượng của tỉnh Hưng Yên có tới 86,3% là lao động. Đó là lực lượng quan trọng để đảm bảo nhanh chóng khắc phục những khó khăn ban đầu, xây dựng cơ sở, phát triển sản xuất. Lực lượng này được phân bố ở tất cả các châu (huyện) trên địa bàn Sơn La (xem Bảng 2).

Trong 2 năm đầu, các huyện Thuận Châu, Mai Sơn, Mộc Châu là những địa phương tiếp nhận nhiều nhân lực từ miền xuôi (mỗi huyện hơn 1.000 người). Thực tế, đây là những địa phương có nhiều điều kiện thuận lợi về đất đai, giao thông... phù hợp với chủ trương của Khu ủy trong giai đoạn đầu tiếp thu nhân lực miền xuôi, đó là xây dựng các cơ sở khai hoang ở những nơi

thuận lợi, đảm bảo điều kiện về diện tích đất canh tác, nguồn nước và đường giao thông.

Tháng 10/1962, tỉnh Sơn La được tái lập. Trong thời gian đầu, để bảo đảm công tác lãnh đạo, Hội đồng Chính phủ quyết định thành lập Ủy ban lâm thời phụ trách hành chính tỉnh Sơn La, sau này là Ủy ban Hành chính tỉnh Sơn La. Phụ trách công tác khai hoang của tỉnh lúc đầu có Phòng Khai hoang trực thuộc Ủy ban Hành chính tỉnh. Cuối năm 1963, Phòng Khai hoang được mở rộng tổ chức thành Ban Khai hoang. Tại các huyện, biên chế thuộc Phòng Nông nghiệp cũng được bố trí cán bộ phụ trách công tác khai hoang. Đây là lực lượng quan trọng để tổ chức việc tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế, văn hóa miền núi.

Bảng 2. Phân bố dân cư của đồng bào miền xuôi tại các huyện ở tỉnh Sơn La trong các năm 1961-1962

Huyện	Nhân khẩu	Lao động	Không lao động
Thuận Châu	1.739	1.030	709
Quỳnh Nhai	161	113	48
Mai Sơn	1.401	1.189	212
Sông Mã	403	367	36
Yên Châu	563	537	26
Mộc Châu	1.290	1.043	247
Mường La	558	500	58
Tổng	6.115	4.779	1.336

Nguồn: Ủy ban lâm thời phụ trách hành chính tỉnh Sơn La, 1963a, tr. 11

Tháng 3/1963, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp bàn về kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) đã khẳng định: *“Phải sớm có kế hoạch toàn diện, cụ thể và phải tăng cường chỉ đạo để chuyển*

một phần nhân lực miền xuôi lên miền núi” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003, tr. 474). Hội nghị chính thức phát động cuộc vận động đồng bào miền xuôi tham gia phát triển kinh tế miền núi. Đó là quyết tâm lớn, một quyết định quan trọng, xuất phát từ kết quả

thực tiễn của phong trào nhân dân khai hoang xa trong những năm 1961 - 1962, tiếp tục mở ra những khả năng mới cho phong trào. Hưởng ứng cuộc vận động đó, ngày 26/4/1963, Ủy ban lâm thời phụ trách hành chính tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch số 683/KT về tiếp nhận nhân lực, củng cố xây dựng hợp tác xã khai hoang sản xuất năm 1963 của tỉnh Sơn La, trong đó nêu rõ: *“Ra sức củng cố các hợp tác xã đã có về mọi mặt, chuẩn bị thật tốt những địa bàn mới có đủ điều kiện để tiếp nhận nhân lực mới bổ sung vào các địa bàn cũ và triển khai các địa bàn mới”* (Ủy ban lâm thời phụ trách hành chính tỉnh Sơn La, 1963b, tr. 6). Theo kế hoạch, năm 1963 tỉnh Sơn La tiếp nhận thêm 5.000 nhân khẩu, trong đó tỉnh Thái Bình 1.000 và Hưng Yên 4.000. Tiếp đó, ngày 4/7/1963, Ủy ban ban hành Kế hoạch số 827/KH về việc tiếp nhận nhân lực miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế ở tỉnh Sơn La, trong đó quy định 5 trạm đón tiếp đồng bào lên Sơn La, gồm: huyện lỵ Mộc Châu, Yên Châu (ăn nghỉ trưa), huyện Mai Sơn đón dân đi Sông Mã, Bản Hình (Thuận Châu) đón dân đi Quỳnh Nhai và huyện lỵ Thuận Châu; đồng thời định rõ nhiệm vụ cụ thể của từng trạm đón tiếp.

Với sự cố gắng của chính quyền và nhân dân địa phương, trong 3 năm 1961 - 1963, tỉnh Sơn La đã đón nhận 9.647 người, cùng với 439 cháu sinh ra trên quê hương mới, tổng cộng đã tiếp nhận 10.086 người. Trừ số lượng giảm đi do một số người qua đời, một số ngại khó khăn đã bỏ về quê cũ, một số xin về thăm quê nhưng không trở lại... đến cuối năm 1963, trên địa bàn tỉnh Sơn La có 8.104 nhân khẩu miền xuôi (gồm 4.856 lao động, 3.248 cụ già và cháu bé, 1.479 hộ gia đình); trong đó, tỷ lệ đảng viên chiếm

8,37%, đoàn viên thanh niên chiếm 14,9% (Ủy ban Hành chính tỉnh Sơn La, 1964, tr. 5).

Bước sang năm 1964, tỉnh Sơn La tiếp tục đón nhận 3.482 đồng bào của tỉnh Hưng Yên và Thái Bình (gồm 1.576 lao động, 1.906 không lao động, 380 hộ gia đình), bổ sung cho các hợp tác xã cũ 1.219 người, xây dựng các cơ sở mới 2.186 người, xen ghép vào các hợp tác xã địa phương 77 người. Tuy nhiên, trong năm 1964, số lượng đồng bào khai hoang cũng đã giảm 1.409 người do nhiều nguyên nhân như trên. Như vậy, tổng số nhân khẩu miền xuôi có mặt tại Sơn La đến cuối năm 1964 là 10.177 người, trong đó có 5.339 lao động, 4.838 không lao động (Ban Khai hoang tỉnh Sơn La, 1965, tr. 3).

Số liệu thống kê trên cho thấy, so với 2 năm đầu (1961 - 1962), trong 2 năm tiếp theo (1963 - 1964), địa bàn tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên khai hoang ở Sơn La có sự điều chỉnh đáng kể, trong đó huyện Yên Châu và huyện Sông Mã là những địa phương tiếp nhận nhiều nhân lực miền xuôi hơn cả (chiếm khoảng 44% tổng số nhân khẩu khai hoang trong toàn tỉnh).

Năm 1965 là năm cuối thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất. Trong hơn 5 tháng đầu, tỉnh Sơn La còn trong điều kiện hòa bình, mặc dù đế quốc Mỹ đã chính thức đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân từ tháng 2/1965. Từ ngày 14/6/1965, máy bay Mỹ bắt đầu ném bom bắn phá các mục tiêu trên địa bàn tỉnh Sơn La. Trong tình hình mới, điều kiện giao thông, đường sá bị đánh phá, phương tiện vận chuyển khó khăn, mặt khác các tỉnh miền xuôi thực hiện chuyển hướng công tác từ thời bình sang thời chiến, giành ưu tiên

*Bảng 3. Phân bố dân cư đồng bào miền xuôi tại các huyện ở tỉnh Sơn La
tính đến ngày 31/12/1964*

Huyện	Nhân khẩu	Lao động	Không lao động	Hộ gia đình	Hộ độc thân
Quỳnh Nhai	683	334	349	---	---
Thuận Châu	2.220	982	1.238	410	151
Mường La	639	300	339	---	---
Mai Sơn	1.389	910	479	294	239
Sông Mã	2.243	1.189	1.054	425	158
Yên Châu	1.317	789	528	278	164
Mộc Châu	1.686	835	851	334	157
Tổng	10.177	5.339	4.838	1.741	869

Nguồn: Ban Khai hoang tỉnh Sơn La, 1965, tr. 3-4

nhân lực cho nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu; do đó công tác vận động đồng bào tham gia phát triển kinh tế và văn hóa miền núi bị ảnh hưởng đáng kể. Năm 1965, tỉnh Sơn La chỉ tiếp nhận thêm 887 người với với 175 hộ (Ủy ban Hành chính tỉnh Sơn La, 1966, tr. 3).

Như vậy, qua 5 năm (1961 - 1965), không kể 870 cháu được sinh ra trên quê hương mới, tỉnh Sơn La đã tiếp nhận 14.046 người thuộc 3 tỉnh Hưng Yên, Thái Bình, Hà Đông lên khai hoang với tỷ lệ lao động chiếm 66,3%. So với chỉ tiêu kế hoạch 5 năm đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ hai (tháng 10/1963) là tiếp nhận khoảng 20.000 đồng bào miền xuôi thì đạt 70,2%. Tuy nhiên, trong 5 năm đã có 263 lao động tham gia nghĩa vụ quân sự, 69 lao động thoát ly tham gia công tác tại các cơ quan, các ngành kinh tế khác và 4.302 người tự ý trở về quê cũ hoặc được cho về xuôi hay đi khai hoang nơi ở khác,... Tính đến cuối năm 1965, tổng số đồng bào miền xuôi ở các cơ sở khai hoang (kể cả các cháu nhỏ sinh ra trên quê hương mới) có

người, gồm 5.169 nam và 5.113 nữ, tỷ lệ lao động chiếm khoảng 48%, có 1.857 hộ gia đình, 564 hộ độc thân (Ủy ban Hành chính tỉnh Sơn La, 1966, tr. 4). Tổng hợp lực lượng và cơ sở khai hoang tiếp nhận tại Sơn La trong 5 năm (1961 - 1965) thể hiện qua Bảng 4 dưới đây:

3. Một vài nhận xét

Số lượng đồng bào miền xuôi tham gia khai hoang trên địa bàn tỉnh Sơn La tăng lên nhanh chóng trong những năm 1961 - 1965. Đầu năm 1961, toàn tỉnh Sơn La mới có hai hợp tác xã khai hoang thí điểm là Hoàng Văn Thụ và Bình Thuận với khoảng 1.700 người. Đến cuối năm 1965, đã có 80 cơ sở khai hoang với tổng số 10.282 người. Số nhân lực này tương đương với dân số huyện Quỳnh Nhai hoặc thị xã Sơn La cùng thời điểm. Cụ thể, năm 1965 huyện Quỳnh Nhai có 10.520 người, thị xã Sơn La có 10.094 người (Phòng Thống kê Khu tự trị Tây Bắc, tr. 32). Đó thực sự là lực lượng đáng kể tham gia vào quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng của tỉnh Sơn La.

Bảng 4. Tổng hợp lực lượng và cơ sở khai hoang tại Sơn La (1961 - 1965)

Thời gian	Số cơ sở			Số người			Tổng số hộ	
	Tổng cộng	Tập trung	Xen ghép	Tổng nhân khẩu	Lao động	Không lao động	Gia đình	Độc thân
31-12-1961	2	2	0	-----	-----	-----	-----	-----
31-12-1962	19	19	0	6.115	4.779	1.336	-----	-----
31-12-1963	47	45	2	8.104	4.856	3.248	1.479	-----
31-12-1964	76	73	3	10.177	5.339	4.838	1.741	869
31-12-1965	80	78	2	10.272	4.818	5.454	1.857	564

Nguồn: Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Tây Bắc, 1962; Ủy ban lâm thời phụ trách hành chính tỉnh Sơn La, 1963a; Ủy ban Hành chính tỉnh Sơn La, 1964, 1966

Đồng bào miền xuôi tham gia phát triển kinh tế tại Sơn La trong những năm 1961 - 1965 chủ yếu đến từ hai tỉnh Hưng Yên và Thái Bình, một số ít đến từ tỉnh Hà Đông. Theo số liệu thống kê, tính đến cuối năm 1964, trong tổng số 10.177 đồng bào miền xuôi lên khai hoang tại Sơn La, có 7.214 người đến từ tỉnh Hưng Yên, 2.913 người từ tỉnh Thái Bình và 50 người từ tỉnh Hà Đông (Ban Khai hoang tỉnh Sơn La, 1965, tr. 4). Tỉnh Hải Dương cũng có kế hoạch tổ chức đồng bào lên khai hoang tại Sơn La nhưng vì nhiều lý do chưa thực hiện được trong thời gian này.

Có thể khẳng định, quá trình tiếp nhận đồng bào miền xuôi tham gia khai hoang tại Sơn La đã góp phần quan trọng trong quá trình thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước. Đồng bào miền xuôi tham gia khai hoang tại Sơn La đã nhận được sự giúp đỡ tận tình, chu đáo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và đặc biệt là đồng bào các dân tộc địa phương ngay từ những ngày đầu đặt chân lên đất Tây Bắc.

Đáp lại, đồng bào khai hoang đã đem những kinh nghiệm trong lao động sản xuất của mình phổ biến cho đồng bào địa phương, hỗ trợ đồng bào kinh nghiệm quản lý hợp tác xã, giúp đỡ học tập nâng cao trình độ văn hóa, bài trừ các hủ tục, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe,... Từ đó, xây dựng nên tình đoàn kết gắn bó keo sơn như anh em một nhà. Những tên gọi của các hợp tác xã khai hoang như: Bình Thuận (Thái Bình - Thuận Châu), Tây Hưng (Tây Bắc - Hưng Yên), Ninh Thuận (Thái Ninh - Thuận Châu), Ân Sinh (Ân Thi - Chiềng Sinh), Hưng Sơn (Hưng Yên - Sơn La),... là biểu hiện cho sự gắn bó của đồng bào khai hoang Thái Bình, Hưng Yên với các địa phương Sơn La, Tây Bắc. Đó là nền tảng vững chắc cho những bước phát triển sau này của đồng bào khai hoang, là điểm khởi đầu cho những đóng góp của đồng bào miền xuôi trong công cuộc tham gia phát triển kinh tế, văn hóa miền núi, góp phần củng cố miền Bắc.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Khu ủy Tây Bắc, *Nghị quyết số 18-NQ/TB ngày 26/12/1960 về Đề án điều chỉnh nhân lực miền xuôi lên góp phần củng cố, mở mang Khu Tự trị*, Hồ sơ số 7626, Phòng Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Tây Bắc, Trung tâm Lưu trữ Trung ương III.
2. Ban Khai hoang tỉnh Sơn La (1964), *Báo cáo số 04/BC/KH ngày 18/7/1964 về tình hình khai hoang trong 6 tháng đầu năm 1964*, Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh Sơn La.
3. Ban Khai hoang tỉnh Sơn La (1965), *Báo cáo số 02-BC/KH ngày 10/3/1965 về tổng kết công tác khai hoang năm 1964 tỉnh Sơn La*, Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh Sơn La.
4. Ban Tuyên huấn Khu ủy Tây Bắc (1960), *Kế hoạch số 86/HC-TH ngày 5/12/1960 của Ban Tuyên huấn Khu Tây Bắc tuyên truyền giáo dục về việc điều chỉnh nhân lực xây dựng mở mang khu tự trị tiến lên chủ nghĩa xã hội*, Hồ sơ số 1265, Phòng Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Tây Bắc, Trung tâm Lưu trữ Trung ương III.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 21 (1960)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 24 (1963)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Phòng Thống kê Khu tự trị Tây Bắc, *Số liệu thống kê dân số năm 1955 - 1969*, Hồ sơ 3027, Phòng Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Tây Bắc, Trung tâm Lưu trữ Trung ương III.
8. Hữu Thọ (1963), *Đi khai hoang Tây Bắc*, Nxb. Nông thôn, Hà Nội.
9. Tổng cục Khai hoang (1963), *Đẩy mạnh phong trào nhân dân khai hoang*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
10. Ủy ban Hành chính Khu tự trị Thái - Mèo (1961), *Báo cáo tổng kết đợt điều chỉnh nhân lực miền xuôi lên xây dựng hợp tác xã khai hoang ở Tây Bắc*, Hồ sơ số 3366, Phòng Ủy ban Hành chính Khu tự trị Tây Bắc, Trung tâm Lưu trữ Trung ương III.
11. Ủy ban Hành chính Khu tự trị Tây Bắc (1962), *Báo cáo tình hình cơ bản và tình hình cơ sở năm 1962 của các ngành của tỉnh Sơn La*, Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh Sơn La.
12. Ủy ban Hành chính tỉnh Sơn La (1964), *Dự thảo báo cáo tổng kết phong trào đón tiếp đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế và văn hóa trong 3 năm 1961-1962-1963 ở tỉnh Sơn La*, Hồ sơ số 362, Phòng Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Tây Bắc, Trung tâm Lưu trữ Trung ương III.
13. Ủy ban Hành chính tỉnh Sơn La (1966), *Báo cáo kết quả 5 năm tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế và văn hóa ở tỉnh Sơn La*, Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh Sơn La.
14. Ủy ban lâm thời phụ trách hành chính tỉnh Sơn La (1963a), *Dự thảo số 682/KT ngày 26-4-1963 về kế hoạch khai hoang nhân dân trong ba năm tới*, Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh Sơn La.
15. Ủy ban lâm thời phụ trách hành chính tỉnh Sơn La (1963b), *Kế hoạch số 683/KT ngày 26-4-1963 về việc tiếp nhận nhân lực củng cố xây dựng hợp tác xã khai hoang sản xuất năm 1963 của tỉnh Sơn La*, Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh Sơn La.